



BƯU ĐIỆN TỈNH SÓC TRĂNG

BẢNG CƯỚC VÀ CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ NHẬN GỬI HỒ SƠ, CHUYỂN TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng GD TCty BĐVN)
Thời điểm áp dụng : 01/01/2018

A. GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ

1. Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị tính: VND

TT	Nấc khối lượng	Mức cước				
		Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội thị/ xã/huyện/ thành phố	Liên thị/ xã/huyện/ thành phố	Nội vùng	Cận vùng	Cách vùng
1	Đến 100g	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100g đến 250g	26.000	30.000	31.000	34.000	38.000
3	Trên 250g đến 500g	26.500	30.500	32.500	38.000	51.000
4	Mỗi 500g tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

Ghi chú: Giá cước trên đã bao gồm cước dịch vụ phát giấy hẹn trả kết quả (nếu có)

2. Giá cước dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị tính: VND

TT	Nấc khối lượng	Mức cước				
		Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội thị/ xã/huyện/ thành phố	Liên thị/ xã/huyện/ thành phố	Nội vùng	Cận vùng	Cách vùng
1	Đến 100g	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100g đến 250g	27.000	31.000	32.000	35.000	39.000
3	Trên 250g đến 500g	28.500	32.500	34.500	40.000	53.000
4	Mỗi 500g tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

Ghi chú: Giá cước trên đã bao gồm cước hoàn trả các giấy tờ đã thu hồi cho cơ quan có thẩm quyền (nếu có)



BƯU ĐIỆN TỈNH SÓC TRĂNG

3. Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả giải quyết TTHC bằng giá cước dịch vụ tiếp nhận hồ sơ cộng với giá cước dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết TTHC quy định tại **mục 1** và **mục 2** nêu trên.

Trường hợp không biết trước được chính xác khối lượng bưu gửi kết quả, phần giá cước dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết TTHC sẽ được áp dụng theo mức cước chuyển trả kết quả ở nấc khối lượng 100gr trong biểu cước chuyển trả kết quả quy định tại mục 2 nêu trên.

Ghi chú: Dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết TTHC, dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết TTHC đề cập tại mục 1,2,3 nêu trên là đối tượng không chịu thuế GTGT.

Giá cước tại mục 1,2,3 nêu trên chưa bao gồm giá cước dịch vụ chuyển trả nộp lệ phí. Trường hợp thủ tục hành chính có nộp lệ phí thì giá cước dịch vụ sẽ tính thêm cước chuyển nộp lệ phí theo quy định tại mục 4 dưới đây.

4. Cước dịch vụ khác

STT	Loại dịch vụ	Mức cước đã bao gồm VAT (đồng)
1	Chuyển nộp lệ phí	
	Dưới 500.000 đồng	8.000 đồng
	Từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng	20.000 đồng
	Trên 2.000.000 đồng	1% Số tiền thu hộ
2	Dịch vụ báo phát	5.000 đồng/ hồ sơ, kết quả

B. VÙNG TÍNH CƯỚC

- Cước nội thị xã/huyện/thành phố: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi trong cùng một thị xã/huyện/thành phố.

- Cước liên thị xã/huyện/thành phố: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi giữa các thị xã/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh.

- Nội vùng gồm 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

- Cận vùng gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kom Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông.

- Cách vùng gồm 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.



BƯU ĐIỆN TỈNH SÓC TRĂNG

C. CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM GIÁ CƯỚC

Miễn, giảm cước đối với tất cả các dịch vụ quy định trong mục A nêu trên cho các đối tượng sau:

1. Đối tượng được miễn giá cước gồm:
 - a) Người hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;
 - b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
2. Đối tượng được giảm 50% giá cước gồm:
 - a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động;
 - b) Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh;
 - c) Bệnh binh;
 - d) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
 - e) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
 - f) Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của liệt sĩ;
 - g) Người dân thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
 - h) Người dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.